

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói”
tỉnh Tây Ninh đến năm 2025

Thực hiện Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 12/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm tạo điều kiện cho người dân tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội như: Y tế, giáo dục, nước sạch, thông tin và kiến thức sản xuất nông nghiệp...; đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm, góp phần xóa đói giảm nghèo một cách bền vững, cải thiện tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

2. Yêu cầu

Tất cả các Sở, ban ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; hộ nghèo, hộ đói trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chung tay vì mục tiêu của cả nước và của tỉnh từ nay đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh sẽ “Không còn nạn đói”.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” đến năm 2025 thực hiện mục tiêu đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm, đáp ứng đủ dinh dưỡng cho người dân nhằm nâng cao thể trạng, trí tuệ, tầm vóc con người Việt Nam; đồng thời thực hiện mục tiêu phát triển bền vững số 2 (SDG2) do Chính phủ Việt Nam cam kết với Tổ chức Liên hợp quốc.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm
- + Giảm tỷ lệ hộ gia đình có mức năng lượng ăn vào bình quân đầu người dưới 1.800 Kcal dưới 5%.
- + Tăng mức tiêu thụ rau, củ, quả trung bình đầu người lên 400 g/ngày.
- Giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới hai tuổi, với các chỉ tiêu như sau:

- + Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 2 tuổi xuống dưới 20%.
- + Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm ở trẻ em dưới 2 tuổi xuống dưới 5%.
- + Giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (<2.500 gam) xuống dưới 8%.
- Phát triển hệ thống lương thực thực phẩm bền vững: 100% hộ tham gia chương trình được tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã và liên kết sản xuất.
- Phần lớn các hộ nông dân sản xuất nhỏ tăng năng suất và thu nhập: Các hộ tham gia chương trình có tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và tăng thu nhập 10%;
- Phần đầu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ 1: Cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng hợp lý quanh năm

- Xác định nhu cầu về dinh dưỡng hợp lý cho các độ tuổi của người dân trong hộ gia đình:

+ Phổ biến các hướng dẫn cho giai đoạn đến 2025 về lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, tháp dinh dưỡng hợp lý và các công cụ đánh giá và giáo dục truyền thông về đảm bảo chế độ ăn lành mạnh và dinh dưỡng hợp lý cho các đối tượng khác nhau, đặc biệt phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ nhỏ, theo đặc điểm địa phương.

+ Tuyên truyền hướng dẫn, thực hành dinh dưỡng cho hộ và người dân về tính toán lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

+ Đào tạo cho hệ thống các cấp chính quyền, cơ quan, đoàn thể về phương pháp tính toán lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng theo kế hoạch phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng đảm bảo dinh dưỡng cho người dân

+ Xây dựng các mô hình trình diễn về giống, kỹ thuật mới trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản, đây là những mô hình điểm cho nông dân đến tham quan, trao đổi và học tập để vận dụng làm theo.

+ Thực hiện các kế hoạch trồng trọt, chăn nuôi phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng, đảm bảo tỷ lệ cơ cấu các loại cây trồng, thịt gia súc, gia cầm phù hợp cũng như tỷ lệ tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng, đủ dinh dưỡng và cân đối cho nhu cầu của người dân.

+ Tư vấn cho người sản xuất về kỹ thuật, giống, phòng trừ dịch hại, thiết bị về cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất, xây dựng trang trại, gia trại, thị trường

+ Hỗ trợ, khuyến khích các trang trại đầu tư phát triển theo hướng công nghệ cao, tạo điều kiện nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, phòng chống dịch bệnh hiệu quả; hệ thống xử lý chất thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường; áp dụng quy trình VietGAP, VietGAHP, áp dụng các phương pháp khác nhằm tiết kiệm tài nguyên đất và nước để giảm phát thải khí nhà kính. Cung cấp nguồn thực phẩm đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

+ Tập huấn, hướng dẫn cho chủ cơ sở, người trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh những quy định của nhà nước về an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản và kinh doanh nông sản thực phẩm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

- Đảm bảo ổn định lương thực, thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng của người dân.

+ Trên cơ sở thống kê các diện tích gieo trồng, chăn nuôi để có kế hoạch sản xuất hợp lý đảm bảo nguồn cung thực phẩm cho người dân.

+ Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch hại cho cây trồng, vật nuôi.

+ Tuyên truyền, hướng dẫn người dân các biện pháp chủ động ứng phó thiên tai và khắc phục sau thiên tai.

2. Nhiệm vụ 2: Suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới hai tuổi không còn là vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em kể từ khi còn là bào thai đến khi tròn 2 tuổi (chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời):

+ Phổ biến tài liệu hướng dẫn dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

+ Tăng cường truyền thông thay đổi hành vi về dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi thông qua truyền thông trực tiếp, truyền thông đại chúng và các chiến dịch.

+ Cung cấp đủ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi ở trường mầm non.

+ Đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế và vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt ở vùng khó khăn.

+ Tăng cường kiến thức và kỹ năng tư vấn về nuôi dưỡng trẻ nhỏ của cán bộ y tế cơ sở, nhân viên y tế khoa sản, khoa nhi ở bệnh viện.

- Cải thiện tình trạng vi chất dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em:

+ Duy trì chương trình Vitamin A và tẩy giun trong tỉnh bao gồm hoạt động cung ứng vật tư và giám sát triển khai.

+ Mở rộng can thiệp phòng chống thiếu máu thiếu sắt, acid folic, kẽm cho phụ nữ tuổi sinh đẻ, có thai và trẻ nhỏ; ưu tiên những vùng đặc biệt khó khăn.

- Đảm bảo dinh dưỡng cho các đối tượng ưu tiên:

+ Đánh giá thực trạng và yếu tố nguy cơ về tình trạng dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em dân tộc thiểu số, đưa ra giải pháp cụ thể thích hợp.

+ Ứng dụng mô hình cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em dân tộc thiểu số.

+ Ưu tiên hỗ trợ dinh dưỡng cho bà mẹ có thai và trẻ em dưới 2 tuổi tại những vùng đặc biệt khó khăn và trong tình huống khẩn cấp.

+ Quản lý và cung cấp gói điều trị trẻ dưới 2 tuổi bị suy dinh dưỡng cấp tính.

+ Rà soát, xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình giảm suy dinh dưỡng cộng đồng thích hợp với đặc điểm địa phương.

+ Xây dựng mô hình phòng chống suy dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em tại các khu vực tập trung nhiều lao động nữ (khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng sâu, vùng xa...).

- Hoàn thiện chính sách xã hội cần thiết nhằm hỗ trợ cho bà mẹ mang thai và trẻ nhỏ được tiếp cận các dịch vụ dinh dưỡng:

+ Thực hiện hiệu quả các quy định về tăng cường vi chất vào thực phẩm.

+ Xây dựng và thực hiện quy định ghi nhãn dinh dưỡng cho thực phẩm.

+ Tăng cường tuyên truyền và giám sát về chính sách khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ.

+ Xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội chi trả các dịch vụ và sản phẩm dinh dưỡng đặc thù.

+ Hướng dẫn bữa ăn học đường cho trẻ mầm non và áp dụng phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng trong các trường mầm non.

+ Hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng hợp lý và chế độ ăn ca cho người lao động, đặc biệt các ngành nghề có tập trung nhiều lao động nữ.

- Nâng cao chất lượng hệ thống giám sát và cảnh báo nguy cơ về dinh dưỡng:

+ Thực hiện việc theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ tại cộng đồng thông qua cung ứng và triển khai hoạt động.

+ Bổ sung nội dung giám sát về tiêu thụ thực phẩm và chất lượng dinh dưỡng của khẩu phần, đặc biệt phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai và trẻ em dưới 2 tuổi vào hệ thống giám sát dinh dưỡng toàn quốc.

+ Ứng dụng hệ thống và công cụ giám sát dinh dưỡng phù hợp thông qua công nghệ điện tử.

+ Tăng cường năng lực giám sát trong tình huống khẩn cấp.

3. Nhiệm vụ 3: Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững

3.1. Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm

- Phát triển hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý, điều chỉnh mùa vụ, chỉ đạo, bố trí sản xuất phù hợp.

+ Tuyên truyền, hướng dẫn các kỹ thuật sản xuất trồng trọt, chăn nuôi thích ứng biến đổi khí hậu, sản xuất theo công nghệ cao, đảm bảo an toàn sinh học. Nâng cao chất lượng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi đảm bảo năng suất, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp.

+ Hỗ trợ người sản xuất nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, xử lý chất thải (hệ thống biogas, đệm lót sinh học, máy ép tách phân...) và dinh dưỡng

tạo điều kiện phát triển sản xuất hiện đại và chất lượng, mang lại lợi nhuận cao cho người dân.

+ Phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm, đăng ký xác nhận sản phẩm thuộc chuỗi liên kết an toàn thực phẩm nhằm khẳng định thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

+ Tăng cường năng lực chế biến, kiểm soát an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường trong sản xuất lương thực, thực phẩm.

- *Phát triển hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm ở các vùng khó khăn đáp ứng nhu cầu sử dụng tại chỗ:*

+ Đẩy mạnh triển khai các mô hình sản xuất trồng trọt, chăn nuôi tại các vùng khó khăn phù hợp với yêu cầu về sinh thái.

+ Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất trồng trọt, chăn nuôi cho người dân.

- *Ưu tiên cho các vùng đặc biệt khó khăn được tiếp cận dịch vụ an sinh xã hội và trợ cấp lương thực, thực phẩm kịp thời khi cần thiết:*

+ *Thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình lồng ghép*

Lồng ghép các các mô hình, dự án với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 - 2020, đảm bảo đạt mục tiêu của Chương trình, quan tâm đến giảm nghèo bền vững đối với đối tượng nghèo thuộc nhóm dễ bị tổn thương, dân tộc thiểu số, người khuyết tật, phụ nữ, trẻ em.

Triển khai thực hiện Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc quy định chuẩn hộ nghèo tỉnh và chính sách hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận đa chiều tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017 - 2020.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận thông tin. Xây dựng và thực thi hiệu quả các chiến lược, chính sách phù hợp hướng tới giảm nghèo và bình đẳng giới nhằm tăng nguồn lực cho hoạt động giảm nghèo bền vững. Thúc đẩy lồng ghép yếu tố giới và trẻ em trong chính sách giảm nghèo.

Tiếp tục phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên thực hiện chăm lo cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn có đời sống tốt hơn, phối hợp với các đơn vị và địa phương thực hiện có hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đến hết giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng 2025.

+ *Hỗ trợ tăng thu nhập cho người sản xuất nhỏ để tăng phúc lợi nông thôn và giảm nghèo bền vững*

Phối hợp các ngành chức năng thực hiện các chương trình tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận các nguồn vốn, gắn với việc hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, công tác khuyến nông và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ

thuật; thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, nhất là hộ có người khuyết tật, chủ hộ là phụ nữ.

Triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo theo Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về Quy định về mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020, hỗ trợ cho 10.289 hộ nghèo, hộ cận trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh (hộ nghèo, hộ cận nghèo) bình quân 1,3%/năm theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

Từng bước cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, bảo đảm thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh cuối năm 2020 tăng lên 1,5 lần so với cuối năm 2015.

Nâng cao thu nhập của hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tăng 20% - 25%/năm, bình quân mỗi năm có ít nhất 15% hộ gia đình tham gia dự án thoát nghèo, thoát cận nghèo.

+ Thực hiện các giải pháp góp phần thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo của tỉnh

Trên cơ sở mức thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo kết quả rà soát hộ nghèo hàng năm, tham mưu UBND tỉnh thực hiện các giải pháp nhằm tác động, nâng cao khả năng tiếp cận đa chiều đến cuối giai đoạn toàn tỉnh chỉ còn hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập.

- Phát triển các mô hình tái chế các phế phẩm trong sản xuất nông nghiệp, tái sử dụng nước, sử dụng năng lượng tái tạo được khuyến khích bằng chính sách và áp dụng rộng rãi

+ Chuyển giao, phổ biến rộng rãi các kỹ thuật tái chế các phế phẩm nông nghiệp (rom rạ, thân cây, phân vật nuôi,...) để người dân áp dụng thực hiện.

+ Thực hiện các mô hình trình diễn xử lý các phế phẩm nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả kinh tế trong sản xuất.

3.2. Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai

- Nghiên cứu xác định tác động của thiên tai và các biện pháp phòng chống đối với sản xuất lương thực, thực phẩm

+ Xây dựng, triển khai thực hiện: Quyết định Quy định mức hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi bị thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

+ Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn UBND cấp huyện, cấp xã rà soát, bổ sung: Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2016-2020; Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp huyện, cấp xã; phương án ứng phó bão mạnh, rất mạnh.

+ Tiếp tục thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2018; kiểm tra công tác PCTT trên địa bàn tỉnh.

+ Đẩy mạnh công tác thu Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; quản lý, sử dụng Quỹ PCTT có hiệu quả, hỗ trợ kịp thời Nhân dân bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

+ Theo dõi diễn biến tình hình khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh, tham mưu Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kịp thời, giảm thiệt hại về người, cơ sở vật chất và sản xuất.

- Xây dựng các chương trình đầu tư hạ tầng (đê, kè, đập, hồ chứa,...) cho các địa bàn xung yếu chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai

+ Xây dựng, triển khai thực hiện: Quy hoạch Thủy lợi tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2035; Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

+ Cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Tiếp tục triển khai thực hiện: Đề án tái cơ cấu ngành thủy lợi; Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi hiện có trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

+ Tăng cường công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng, triển khai thực hiện: Quyết định ban hành Quy định chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước hộ gia đình nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020.

+ Tăng cường công tác mời gọi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh; theo dõi, đôn đốc thực hiện đầu tư công trình cấp nước tập trung - Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

+ Tăng cường chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Công tác quản lý, vận hành, khai thác và duy tu bảo dưỡng các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh, thu tiền nước sinh hoạt nông thôn.

3.3. Phát triển hệ thống cung ứng và tiêu dùng lương thực, thực phẩm bền vững

3.3.1. Phát triển hệ thống cung ứng, phân phối lương thực, thực phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân

Hỗ trợ thành lập các chuỗi cửa hàng kinh doanh, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3.3.2. Phát triển liên kết sản xuất, tiêu thụ thực phẩm

- Tăng cường liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ trên cơ sở phát triển các hình thức hợp tác, liên kết đa dạng

giữa hộ nông dân và doanh nghiệp, tổ chức hợp tác xã, phát triển cánh đồng lớn gắn với hình thành các vùng chuyên canh cây trồng.

- Hỗ trợ, hướng dẫn nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp tiếp cận các chính sách phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3.3.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm trang bị kiến thức tiêu dùng cho người dân sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, tiết kiệm

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức đến người tiêu dùng trong việc lựa chọn sử dụng những thực phẩm nông sản an toàn, đảm bảo chất lượng để bảo vệ sức khỏe gia đình thông qua các hình thức: in tờ rơi, đăng bài viết trên cổng thông tin điện tử của ngành, thực hiện các cuộc phóng sự, tọa đàm trên đài truyền hình...

- Tuyên truyền hướng dẫn thực hành dinh dưỡng hợp lý cho người dân về tính toán lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Tuyên truyền thay đổi hành vi về dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi, tuyên truyền khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ.

- Truyền thông trang bị kiến thức cho người dân sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, tiết kiệm.

- Tuyên truyền người dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tăng cường cơ giới hóa trong sản xuất, liên kết chuỗi để nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giúp người dân sử dụng hợp lý, tiết kiệm, chống lãng phí lương thực, thực phẩm.

4. Nhiệm vụ 4: Phần lớn các hộ nông dân sản xuất nhỏ tăng năng suất và thu nhập

4.1. Tăng thu nhập cho người sản xuất nhỏ để tăng phúc lợi nông thôn và giảm nghèo bền vững

- Tăng năng suất các loại cây trồng vật nuôi thông qua các hoạt động khuyến nông

- + Định hướng phát triển cây trồng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp nhằm thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao nhằm nâng cao chất lượng, giá trị và hiệu quả sản xuất, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- + Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, tọa đàm, chuyên mục, hội thảo chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, xây dựng các mô hình khuyến nông phục vụ chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu lại nông nghiệp. Tổ chức cho nông dân học tập kinh nghiệm các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng hiệu quả kinh tế cao, các mô hình sản xuất công nghệ cao, các mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ trong và ngoài nước.

- Tăng năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp thông qua việc áp dụng: giảm chi phí sản xuất, tăng cường cơ giới hóa sản xuất, liên kết chuỗi để nâng cao giá trị,...).

- Phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ sản xuất cho những vùng chuyên canh nông nghiệp trọng điểm có sự tham gia của cộng đồng.

- Hỗ trợ lao động nông thôn chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp ở địa phương có mức thu nhập cao hơn so với sản xuất nông nghiệp.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp gắn liền với tạo việc làm theo hướng sản xuất hàng hóa trên cơ sở quy hoạch sản xuất nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương; góp phần giảm rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân trên địa bàn.

+ Hỗ trợ đa dạng các hình thức sinh kế phi nông nghiệp, ngành nghề dịch vụ, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa bàn.

+ Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường.

- Xây dựng hệ thống tiêu chí theo dõi, giám sát về tăng năng suất và thu nhập của hộ nông dân.

4.2. Phát triển kinh tế tập thể và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp

- Tuyên truyền, hướng dẫn hỗ trợ thành lập mới 02 hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm 2012 và 05 hợp tác xã nông nghiệp theo Nghị định 151/2007/NĐ-CP.

- Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ cho khoảng 60 học viên là cán bộ, thành viên các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Tiêu chí 13- Hình thức tổ chức sản xuất trên địa bàn các xã xây dựng nông thôn mới năm 2019.

- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2018-2020.

- Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; chế biến sản phẩm; xây dựng các mô hình hợp tác xã; ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp; tạo cơ chế thu hút đầu tư vào sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm.

4.3. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và khuyến nông

Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ KHKT nhằm tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi ở vùng khó khăn. Đồng thời, phát triển sản xuất bền vững thích ứng biến đổi khí hậu ở các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai.

5. Nhiệm vụ 5: Phấn đấu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách giúp cho công tác quản lý, áp dụng khoa học công nghệ nhằm giảm tổn thất và lãng phí lương thực, thực phẩm.

- Khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ, phương thức quản lý nhằm giảm tổn thất trong quá trình thu hoạch, bảo quản, chế biến.
- Đẩy mạnh tuyên truyền giúp người dân sử dụng hợp lý, tiết kiệm chống lãng phí lương thực, thực phẩm.
- Tăng cường năng lực chế biến, kiểm soát an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường trong sản xuất lương thực, thực phẩm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách nhà nước được bố trí hàng năm để thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.
- Nguồn vốn lồng ghép trong Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, các Chương trình mục tiêu, chương trình, dự án khác.
- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện Chương trình.
- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để cho người dân, các cấp chính quyền và toàn xã hội hiểu được ý nghĩa đây là kế hoạch thực hiện Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói”.
- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, nắm được phương pháp, cách làm, đặc biệt với các hộ gia đình là chủ thể thực hiện kế hoạch này, nhằm tổ chức triển khai hiệu quả kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các Sở, ban, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt.
- Tổng hợp kinh phí thực hiện Kế hoạch Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gửi Sở Tài chính để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.
- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói”, tổng hợp tình hình, sơ kết chương trình thí điểm, đề xuất kế hoạch mở rộng Chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan huy động và bố trí các nguồn vốn để thực hiện Chương trình theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Sở Y tế

- Lập dự toán kinh phí thực hiện phần việc của mình trong Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung để gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan chỉ đạo các nội dung hoạt động có liên quan tại nhiệm vụ số 1 và nhiệm vụ số 2 của Chương trình.

- Lập kế hoạch theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án, các mô hình và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá hiệu quả của Chương trình theo chức năng nhiệm vụ của Sở.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương lồng ghép nội dung hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo từ Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo với Chương trình “Không còn nạn đói”.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan huy động nguồn vốn và bố trí nguồn vốn của ngành để tổ chức thực hiện Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói”.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo và tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông về các nội dung của Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói”.

- Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan truyền thông triển khai tuyên truyền về các nội dung hoạt động của Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói”.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

7. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các địa phương phát triển hệ thống cung ứng lương thực, thực phẩm đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho người dân theo Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói”.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Căn cứ vào Kế hoạch này xây dựng, phê duyệt kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- Báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn cho UBND tỉnh.

- Bố trí nguồn ngân sách của địa phương và lồng ghép kinh phí từ các chương trình, dự án để thực hiện các nhiệm vụ triển khai Chương trình thuộc trách nhiệm của các địa phương theo quy định và các văn bản hướng dẫn.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các Sở, ban, ngành liên quan

Theo chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ của đơn vị mình, phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành để tổ chức triển khai Chương trình đạt hiệu quả.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” tại tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, đề nghị các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc yêu cầu báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NNPTNT;
- Cục Trồng trọt;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo, ĐPTTH Tây Ninh;
- PCVP Nhung, CVK;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh

03KTC_VNAM_KHUB

GD

**ACT CHỦ TỊCH,
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chiến